

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS - ST
Ngày: 02-7-2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lệ Hoa

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.*
Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXX-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/QĐXX-DS ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Ngọc M, (Sửa) sinh năm: 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân A, xã H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2/. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1960 (Vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn sinh năm: 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Ngọc M trình bày:

Trước đây vào ngày 15/10/2019 ông Nguyễn Văn T và vợ bà Nguyễn Thị M có vay của chị Mai số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) khi vay hai bên có làm biên nhận nợ, lãi suất do hai bên thỏa thuận, tờ biên nhận do ông T viết và ký tên. Ông T, bà M hứa 4 tháng sau sẽ trả chị M nhưng từ đó đến nay ông

Trung bà Mè không chịu thanh toán. Chị Mai có đến nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T bà M cố tình lánh mặt.

Tại phiên Tòa chị M yêu cầu ông Nguyễn Văn T và vợ bà Nguyễn Thị M trả lại cho chị số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập cho ông Nguyễn Văn T và vợ bà Nguyễn Thị M tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông Trung, bà Mè không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Đặng Ngọc M yêu cầu ông Nguyễn Văn T và vợ bà Nguyễn Thị M trả số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Chị Đặng Ngọc M khởi kiện ông Nguyễn Văn T và vợ bà Nguyễn Thị M, ông T, bà M có nơi cư trú tại: ấp A, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Được quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T và vợ bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án niêm yết thủ tục tố tụng và triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà M.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Ngọc M yêu cầu ông Nguyễn Văn T và vợ bà Nguyễn Thị M trả số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) quá trình giải quyết vụ án chị M cung cấp cho Tòa án tờ biên nhận vay tiền ngày 15/10/2019 do ông T viết và ký tên với nội dung “*Tôi tên Nguyễn Văn T, vợ Nguyễn Thị M, nơi ở ấp A, xã T, huyện Tân Hiệp có mượn của chị Đặng Ngọc M cùng ấp A, xã T chúng tôi có mượn số tiền 30.000.000đ (Ba chục triệu chẵn) nay chúng tôi ghi biên nhận này làm bằng*”

[5] Xét tờ biên nhận viết tay ngày 15/10/2019 giữa chị M và ông T bà M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hai bên tự nguyện viết biên nhận, không bị lừa dối, hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy chị M và ông Nguyễn Văn T và vợ bà Nguyễn Thị M là hàng xóm thân thiết do cần tiền để phục vụ nhu sinh hoạt cho gia đình và đóng tiền học phí cho con nên ông T bà M có đến nhà chị M hỏi vay số tiền 30.000.000đ khi vay hai bên có làm biên nhận nợ, có thỏa thuận lãi suất. Ông T bà M hứa 3- 4 tháng sẽ trả số tiền trên cho chị M, nhưng đến hạn ông T bà M không thực hiện theo thỏa thuận, chị M có đến nhắc nhở yêu cầu ông T bà M trả số tiền thì ông T bà M chỉ hứa hẹn mà không chịu trả nợ. Việc ông T, bà M không trả tiền cho chị M là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Tại phiên tòa chị M yêu cầu ông T bà M trả lại số tiền 30.000.000đ yêu cầu trả một lần không yêu cầu tính lãi là có sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T, bà M không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản trả lời cho Tòa án, không đưa ra chứng cứ và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan và không có ý kiến trình bày. Nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 11/12/2020 chị Đặng Ngọc M có đơn gửi đến Công an xã H xác nhận địa chỉ của bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M được Công An xã và chính quyền địa phương xác nhận ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Ông T bà M vẫn còn ở địa phương do nợ nần nhiều nên ông bà hay lánh mặt

Từ những cơ sở trên xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên chị Đặng Ngọc M yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M trả số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*)

Án phí tính như sau: 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) x 5% = 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Yêu cầu của chị M được chấp nhận nên chị Đặng Ngọc M không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho chị M số tiền tạm ứng án phí 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0008202 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M phải nộp 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tổ tụng dân sự

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Ngọc M.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M trả cho chị Đặng Ngọc M số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Yêu cầu của chị M được chấp nhận nên chị Đặng Ngọc M không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho chị M số tiền tạm ứng án phí 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0008202 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M phải nộp 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Chị Đặng Ngọc M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ

